

MỘT SỐ KIẾN NGHỊ VỀ HOÀN THIỆN KHUNG CHÍNH SÁCH VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TỰ NHIÊN

Thực tế hiện nay cho thấy, cơ chế, chính sách, luật pháp trong bảo vệ môi trường còn nhiều bất cập, chồng chéo và hiệu lực chưa cao, cần được nghiên cứu, bổ sung hoàn thiện, đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường tự nhiên trong tình hình mới.

Các chính sách có liên quan trực tiếp đến việc bảo vệ môi trường tự nhiên cần phải được bổ sung, hoàn thiện. Cụ thể như: chính sách, luật pháp trong lĩnh vực quản lý đất đai, lĩnh vực địa chất và khoáng sản, lĩnh vực tài nguyên nước; lĩnh vực liên quan đến trồng và bảo vệ rừng và đa dạng sinh học. Ngoài ra, những chính sách về chuyển giao công nghệ, khai thác và sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên, về phát triển nguồn nhân lực trong công tác bảo vệ môi trường cần phải được rà soát để bổ sung phù hợp, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động bảo vệ môi trường tự nhiên ở nước ta trong thời gian tới.

Công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở nước ta hiện nay đang tác động mạnh mẽ tới môi trường tự nhiên. Tài nguyên thiên nhiên đang bị khai thác quá mức, lượng chai thải đổ ra môi trường ngày càng lớn đang gây khó khăn không nhỏ cho công tác bảo vệ môi trường. Trước tình hình đó, việc hoàn thiện cơ chế, chính sách nhằm xây dựng cơ sở khoa học cho thực thi hiệu quả công tác bảo vệ môi trường, tăng cường cơ sở vật chất kỹ thuật hạ tầng, trang thiết bị hiện đại để phục vụ tốt nhất cho công tác bảo vệ và cải thiện môi trường cần phải được ưu tiên.

Bên cạnh việc bổ sung, hoàn thiện cơ chế, chính sách thì việc không ngừng hoàn thiện hệ thống pháp luật bảo vệ môi trường nói chung và bảo vệ môi trường tự nhiên nói riêng trước yêu cầu phát triển bền vững của đất nước là việc làm cần thiết, nhằm hình thành trong toàn xã hội thói quen văn hóa “Sống và làm việc theo hiến pháp và pháp luật”. Pháp luật, một mặt, tạo hành lang pháp lý thuận lợi cho mọi chủ thể kinh tế (các ngành, các thành phần và mọi người lao động được tự do sản xuất, phát triển kinh tế theo luật định; mặt khác, là “công cụ” để xử lý những vi phạm bảo đảm kỷ cương. Theo đó, hệ thống pháp luật về bảo vệ môi trường nói chung và bảo vệ môi trường tự nhiên nói riêng phải đủ mạnh, được thực thi một cách nghiêm minh, khách quan, công bằng với tất cả mọi đối tượng. Do vậy, những biện pháp góp phần hoàn thiện chính sách, pháp

luật về bảo vệ môi trường nói chung và bảo vệ môi trường tự nhiên nói riêng cần tập trung vào những vấn đề sau:

Phải lập quy hoạch môi trường làm căn cứ để lồng ghép các nội dung bảo vệ môi trường trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, ngăn chặn giảm thiểu các tác động xấu tới môi trường; đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường; cam kết bảo vệ môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ phát sinh chất thải sản xuất; tăng cường bảo vệ các thành phần môi trường gồm: bảo vệ môi trường nước, đất và không khí, tăng cường bảo vệ môi trường làng nghề, cụ thể về trách nhiệm của các hộ gia đình, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tại các làng nghề và nâng cao trách nhiệm của ủy ban nhân dân cấp xã, huyện, tỉnh đối với bảo vệ môi trường làng nghề; tăng cường quản lý chất thải; nâng cao trách nhiệm của cơ quan nhà nước về bảo vệ môi trường; xác định quyền hạn và nghĩa vụ của các tổ chức xã hội, xã hội - nghề nghiệp và cộng đồng dân cư; chú trọng nguồn lực cho bảo vệ môi trường.

Bảo vệ môi trường nói chung và bảo vệ môi trường tự nhiên nói riêng trước hết phải xác định là vấn đề chung của toàn dân, toàn xã hội; cần phải được xem xét ở cấp độ quốc gia và toàn cầu. Việc hoàn thiện pháp luật về môi trường được xác định theo hai hướng: Một là đổi, bổ sung các văn bản hiện hành để khắc phục tính thiếu nhất quán, không cụ thể, không rõ ràng; Hai là, ban hành văn bản mới, để điều chỉnh các quan hệ xã hội còn bỏ ngỏ trong lĩnh vực bảo vệ môi trường, đặc biệt là các vấn đề môi trường phát sinh trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Thực tế ở nước ta hiện nay cho thấy, cơ chế, chính sách, biện pháp liên quan đến lĩnh vực bảo vệ môi trường chưa thực sự khuyến khích các chủ thể và doanh nghiệp đầu tư trang thiết bị hiện đại để bảo vệ, cải thiện và trường tự nhiên. Các chế tài xử phạt vi phạm bảo vệ môi trường còn rất nhẹ, chưa nghiêm minh và chưa có tính năng răn đe. Trong thời gian qua, có rất nhiều tổ chức và cá nhân vi phạm các quy định pháp luật trong lĩnh vực bảo vệ môi trường và thường xuyên tái phạm vì tiền phạt quá nhẹ so với việc phải đầu tư trang thiết bị cho công tác xử lý chất thải nguy hại. Một số doanh nghiệp gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng nhưng chưa thực hiện các biện pháp khắc phục. Do đó, vấn đề đặt lên hàng đầu là phải hoàn thiện hệ thống pháp lý với chế tài đủ mạnh, tùy theo tính chất, mức độ và phù hợp với thông lệ quốc tế. Có như vậy, mới phòng

ngừa, giảm thiểu được ô nhiễm, suy thoái môi trường, cải thiện và khắc phục ô nhiễm, góp phần cải thiện chất lượng cuộc sống của nhân dân.

Bên cạnh việc tăng cường các giải pháp về hoàn thiện khung chính sách cho việc bảo vệ môi trường, cần thiết phải có những giải pháp về tăng cường quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường tự nhiên.

Thứ nhất, đẩy mạnh việc áp dụng các công cụ kinh tế trong bảo vệ môi trường tự nhiên. Nghị quyết số 41-NQ/TW ngày 15-11-2004 của Bộ Chính trị về Bảo vệ môi trường trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước đã nêu rõ: Một trong những giải pháp chính để đạt được mục tiêu bảo vệ môi trường tại Việt Nam trong thời gian tới là đẩy mạnh việc áp dụng các biện pháp kinh tế trong bảo vệ môi trường.

Công cụ kinh tế trong quản lý môi trường rất đa dạng, gồm: triển khai thực hiện nguyên tắc người gây thiệt hại với môi trường phải khắc phục, bồi thường; từng bước thực hiện việc thu phí và lệ phí môi trường, ký quỹ bảo vệ môi trường, trợ cấp tài chính, thuế môi trường, nhãn sinh thái, v.v... Mỗi một công cụ kinh tế có những ưu điểm riêng trong từng nội dung quản lý cụ thể. Nhiệm vụ của người làm công tác quản lý môi trường là lựa chọn được các công cụ thích hợp để đạt được mục tiêu, nhiệm vụ của mình.

Đẩy mạnh việc áp dụng các công cụ kinh tế trong bảo vệ môi trường nói chung và môi trường tự nhiên nói riêng là phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh Việt Nam trong thời kỳ đổi mới đất nước, nhằm bảo đảm sự phát triển bền vững. Ở Việt Nam hiện nay sử dụng quá nhiều các biện pháp hành chính trong lĩnh vực luật pháp môi trường, mà coi nhẹ các công cụ có tính chất kinh tế. Điều này đã gây ra hiệu ứng không tốt trong xã hội ở chỗ, công tác bảo vệ môi trường dường như chỉ là công việc của riêng Nhà nước, mà chưa trở thành sự nghiệp của toàn dân, chưa trở thành mối quan tâm của cộng đồng và các doanh nghiệp. Nếu coi nhẹ các công cụ có tính chất kinh tế, các biện pháp kích thích lợi ích đối với cộng đồng thì chính sách bảo vệ môi trường ở Việt Nam có thể sẽ thất bại. Chúng ta biết rằng, lĩnh vực bảo vệ môi trường vốn những đặc trưng riêng, hậu quả của việc gây ô nhiễm môi trường trong nhiều trường hợp chưa gây ra những hiệu ứng tức thời, nhiều khi rất khó xác định, khó nhận biết hết được những thiệt hại. Do vậy, phản ứng của xã hội và không quá gay gắt. Trong trường hợp này,

việc sử dụng các công cụ có tính chất kinh tế, tác động tới lợi ích của các chủ thể sẽ mang lại những kết quả tốt hơn là các biện pháp hành chính.

Tăng cường sử dụng các công cụ kinh tế trong quản lý nguồn tài nguyên, kiểm soát ô nhiễm môi trường chính là việc dùng những lợi ích vật chất kích thích các chủ thể thực hiện các hoạt động có lợi cho môi trường. Đó là biện pháp nhằm điều hòa các xung đột giữa phát triển kinh tế với bảo vệ môi trường trên nguyên tắc: người gây ô nhiễm môi trường phải bồi thường tổn thất, người sử dụng phải trả phí sử dụng môi trường. Công cụ kinh tế trong quản lý môi trường và kiểm soát ô nhiễm hiện nay rất đa dạng, gồm thuế môi trường, phí và lệ phí môi trường, quỹ môi trường, ký quỹ môi trường, trợ cấp tài chính, nhân sinh thái.

Đối với thuế bảo vệ môi trường: Đây là một sắc thuế hoàn toàn mới và cũng rất quan trọng trong hệ thống pháp luật nước ta. Việc ban hành thuế bảo vệ môi trường là một tất yếu, xuất phát từ các yêu cầu thực tế, nhằm tăng thêm nguồn thu ngân sách dành cho công tác bảo vệ môi trường và định hướng hành vi tác động vào môi trường từ phía các nhà sản xuất, kinh doanh, lẫn người tiêu dùng.

Đối với việc thu phí bảo vệ môi trường: Phí bảo vệ môi trường là một công cụ kinh tế khá hữu hiệu được sử dụng phổ biến ở các nước nhằm kiểm soát ô nhiễm môi trường và tạo nguồn thu cho ngân sách dành cho hoạt động bảo vệ môi trường. Ở nước ta, việc áp dụng loại công cụ mà còn hết sức mới, nhưng chúng ta đã có cơ sở pháp lý để thực hiện phí bảo vệ môi trường. Vấn đề là phải vừa thực hiện vừa rút kinh nghiệm từng bước. Tuy nhiên, cần tiếp tục hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn môi trường làm cơ sở cho việc đánh giá mức thu cho mục tiêu bảo vệ môi trường. đồng thời, nghiên cứu phương thức sử dụng một cách hiệu quả nhất nguồn kinh phí thu được.

Đối với biện pháp ký quỹ: Biện pháp ký quỹ chưa được áp dụng rộng rãi trong lĩnh vực khai thác tài nguyên ở Việt Nam, mà mới chỉ áp dụng đối với khai thác khoáng sản. Chính phủ cần tiếp tục nghiên cứu, nhân rộng hình thức này để áp dụng cho hoạt động kinh tế cũng có khả năng gây ô nhiễm và tổn thất môi trường. Đơn cử như lĩnh vực khai thác rừng, bởi việc khai thác gỗ rừng chắc chắn sẽ đem đến tổn thất cho môi trường, mặc dù rừng là tài nguyên có thể tái tạo, nghĩa là có khả năng phục hồi nguồn tài nguyên khi trồng lại rừng. Hơn

nữa, việc khai thác gỗ rừng chắc chắn ảnh hưởng đến các hệ sinh thái thực vật, động vật khác trong rừng. Vì vậy, yêu cầu đặt ra đối với các chủ thể tiến hành khai thác rừng là trong quá trình khai thác phải bảo đảm được tính ổn định của hệ sinh thái rừng, cũng như khôi phục lại hiện trạng xung quanh khu vực vừa khai thác. Theo quy định pháp luật hiện hành, cụ thể là Luật Bảo vệ và phát triển rừng năm 2004, sau -ĐG khai thác rừng, cơ quan kiểm lâm kiểm tra việc khai Thác rồi sau đó sẽ ra quyết định đóng cửa rừng, nhưng trên thực tế, tình trạng bừa bãi, không dọn dẹp các cây gỗ hư, mục, thu dọn nơi khai thác rừng vẫn tràn lan. Vì vậy, cũng cần phải quy định biện pháp ký quỹ môi trường đối với các chủ thể khai thác rừng cũng như các chủ thể khai thác khoáng sản.

Hơn nữa, cần khuyến khích việc áp dụng ký quỹ môi trường cho các chủ thể sản xuất kinh doanh trong những ngành, nghề dễ gây ô nhiễm môi trường như chế biến lương thực, thực phẩm, công nghiệp xây dựng. Đây cũng là một trong những biện pháp kinh tế quan trọng nhằm ngăn ngừa, bảo vệ và cải thiện môi trường tự nhiên.

Bên cạnh đó, Nhà nước cần tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, kiên quyết xử lý triệt để các cơ sở sản xuất kinh doanh vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường.

Đẩy mạnh công tác thanh tra, kiểm tra và việc xử lý nghiêm minh của cơ quan quản lý nhà nước trong lĩnh vực bảo vệ môi trường tự nhiên sẽ bảo đảm hiệu lực pháp luật và tính răn đe đối với các chủ thể và người dân. Mặt khác, tạo ra sự nghiêm minh công bằng giữa các chủ thể trong mọi hoạt động, đồng thời, ngăn chặn kịp thời các hành vi vi phạm pháp luật về môi trường nhằm đưa hoạt động bảo vệ môi trường tự nhiên đi vào nền nếp.

Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra và xử lý nghiêm minh cần tập trung vào những nội dung cụ thể sau:

Một là, Nhà nước cần kiên quyết di chuyển một số nhà máy, xí nghiệp gây ô nhiễm nặng về môi trường trong hai thành hoặc những nơi đông dân cư ra khu vực ngoại thành. Đồng thời, yêu cầu các cơ quan, xí nghiệp phủ; nhanh chóng thay đổi cách thức sản xuất, yêu cầu kiên quyết các doanh nghiệp phải có hệ thống xử lý chất thải trước khi thải nước bẩn ra môi trường. Nếu các công ty, xí nghiệp đó không tuân thủ theo đúng quy định, nhà nước cần kiên quyết tịch thu giấy phép kinh doanh, đình chỉ hoạt động.

Hai là, kiểm tra, giám sát, kiểm soát chặt chẽ việc xả thải của các doanh nghiệp. Việc kiểm tra, giám sát chặt chẽ của các cơ quan quản lý nhà nước có ý nghĩa quan trọng để các doanh nghiệp chú trọng đến việc hoàn thiện hệ thống xử lý chất thải theo đúng quy trình, để lời hứa của doanh nghiệp không thể là lời hứa suông nhằm trấn an dư luận. Trên thực tế, nhiều doanh nghiệp và các xưởng sản xuất dù đã bị phạt hành chính nhưng họ vẫn lén lút ngày đêm xả thải ra môi trường. Nếu công tác thanh tra, kiểm tra không được tiến hành thường xuyên, kiên quyết, nghiêm minh thì những vấn đề bức xúc về môi trường sẽ ngày càng nhiều và sẽ khó giải quyết triệt để.

Ba là, kiên quyết yêu cầu các doanh nghiệp và các cơ sở sản xuất phải lập báo cáo đánh giá tác động môi trường.

Nhà nước cần tăng cường công tác thẩm định, đánh giá tác động môi trường đối với các dự án ngay từ thời điểm xem xét ra quyết định cấp giấy phép sản xuất kinh doanh theo phương châm phòng bệnh hơn chữa bệnh, nhằm ngăn chặn từ gốc. Ngay từ trong chiến lược phát triển, phải làm rõ các yêu cầu, các giải pháp bảo vệ môi trường trong các quy hoạch phát triển sản xuất, phát triển vùng, các dự án đầu tư. Khi lựa chọn quy mô, địa điểm, công nghệ, phải phân tích kỹ tác động môi trường và biện pháp bảo vệ môi trường. Có như vậy, mới ngăn ngừa được những vấn đề phát sinh gây ô nhiễm suy thoái môi trường nghiêm trọng.

Tăng cường việc xử lý những người có trách nhiệm trong việc thực hiện các quy hoạch đã phê duyệt, và quyết tâm không cấp phép hoạt động cho các doanh nghiệp, dự án, nhà máy không đầu tư hệ thống xử lý môi trường. Đồng thời, công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng để người tiêu dùng có những hiểu biết từ chối sản phẩm của các doanh nghiệp gây ô nhiễm môi trường.

Để công tác thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm trong lĩnh vực môi trường đạt hiệu quả cao, cần đầu tư trang thiết bị, các phương tiện hỗ trợ cho công tác kiểm tra, kiểm soát môi trường, nhằm đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường nói chung và bảo vệ môi trường tự nhiên đang đặt ra hiện nay. Bên cạnh đó, Nhà nước cần khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi để mọi tổ chức, cá nhân tham gia ngành công nghệ môi trường ở Việt Nam. Hiện nay, ngành, công nghệ môi trường ở Việt Nam được chia thành ba lĩnh vực hoạt động: dịch vụ môi trường,

phát triển công nghệ và sản xuất thiết bị phục hồi tài nguyên thiên nhiên. Việt Nam là quốc gia có nhiều tiềm năng khai thác ngành công nghệ môi trường, bởi thị trường cho ngành công nghệ môi trường ở Việt Nam tương đối lớn.

Trong thời gian tới, Nhà nước cần có chính sách hỗ trợ khuyến khích các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước đầu tư cho phát triển ngành công nghệ môi trường, có chính sách ưu đãi cao về đất đai, thuế cho các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực công nghệ môi trường. Đào tạo bồi dưỡng nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ hoạt động trong lĩnh vực công nghệ môi trường. Khuyến khích hỗ trợ nghiên cứu khoa học - công nghệ, chuyển giao công nghệ bảo vệ môi trường, phát triển thị trường dịch vụ bảo vệ môi trường, quản lý và bảo vệ tài nguyên. Tăng cường xã hội hóa hoạt động bảo vệ môi trường, bao gồm: nghiên cứu, chuyển giao công nghệ, chế tạo thiết bị cung cấp các dịch vụ bảo vệ môi trường, quản lý và sử dụng tài nguyên. Triển khai các chương trình, đề tài, dự án nghiên cứu khoa học trọng điểm phục vụ cho hoạt động bảo vệ môi trường bao gồm: công nghệ xử lý nước thải (nước thải sinh hoạt, nước thải công nghiệp, nước thải bệnh viện, nước thải của các bãi chôn lấp), công nghệ xử lý chất thải rắn, công nghệ chế tạo các thiết bị xử lý môi trường cần được nhân rộng trên phạm vi cả nước.

Bên cạnh đó, các cơ quan quản lý nhà nước cần phối hợp, hoàn chỉnh hiện đại hóa hệ sống theo dõi, kiểm soát, phân tích đánh giá các yếu tố trên môi trường trên toàn quốc. Đây phải là một dự án lớn của quốc gia có đủ nguồn vốn, sử dụng công nghệ tiên tiến nhất và công nghệ thông tin. Xúc tiến xây dựng Chính phủ điện tử ngành tài nguyên và môi trường để đáp ứng nhu cầu trong quản lý nhà nước về môi trường bảo đảm hoạt động điều hành tác nghiệp, trao đổi thông tin trong nội bộ ngành, giữa Trung ương và địa phương; cung cấp kịp thời và minh bạch thông tin cho người dân. Giúp người dân tham gia đánh giá hoạt động của các cơ quan quản lý môi trường nhằm kiểm soát tốt hơn vấn đề khai thác và sử dụng hiệu quả tài nguyên thiên nhiên nói riêng và bảo vệ môi trường trên phạm vi cả nước nói chung vì sự phát triển bền vững của đất nước.

Nhà nước tăng cường đa dạng hóa nguồn tài chính, đầu tư cho bảo vệ môi trường, theo đó, chú trọng vào đầu tư cho bảo vệ môi trường. Mặc dù bước đầu đã có chuyển biến tích cực, song còn ở mức thấp chưa đáp ứng nhu cầu của thực tế. Tuy ngân sách đã được bố trí thành một nguồn riêng, nhưng do tính chất là nguồn chi thường xuyên nên kinh phí từ nguồn này không thể bố trí để đầu tư

giải quyết triệt để các vấn đề môi trường bức xúc đang ngày càng gia tăng. Do đó, việc tăng cường đa dạng hóa nguồn đầu tư tài chính cho bảo vệ môi trường là hết sức cấp bách.

Để tăng nguồn tài chính đầu tư bảo vệ môi trường, cần tập trung vào vấn đề sau:

Huy động kinh phí từ nguồn đầu tư cơ bản và nguồn vốn ODA để xây dựng các chương trình xử lý môi trường như: bãi chôn lấp chất thải rắn hợp vệ sinh, hệ thống xử lý chất thải bệnh viện, nước thải sinh hoạt. Mặt khác, Nhà nước cần tăng cường hơn nữa sự phối hợp giữa cơ quan tài chính và cơ quan tài nguyên môi trường trong quá trình lập, xây dựng dự toán sự nghiệp môi trường hàng năm ở các địa phương. Ngân sách nhà nước cần phải được tăng cường đầu tư hơn nữa cho chi đầu tư cơ bản để xây dựng các công trình xử lý chất thải mang tính chất công ích, thực hiện các dự án đầu tư về cải thiện môi trường, đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng trong bảo vệ môi trường, đầu tư xây dựng hệ thống quan trắc bảo vệ môi trường tại các địa phương.

Quy định rõ về quyền hạn và trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước về lĩnh vực bảo vệ môi trường; ở Trung ương là Bộ Tài nguyên và Môi trường, ở địa phương là sở tài nguyên và môi trường trong việc lập, phân bổ, dự toán chi cho lĩnh vực môi trường. Bảo đảm tập trung giải quyết các vấn đề môi trường trọng tâm, trọng điểm, xử lý những điểm nóng về môi trường tại các khu công nghiệp, làng nghề và ô nhiễm tại các lưu vực sông. Hình thành cơ chế để huy động nguồn vốn đầu tư cho bảo vệ môi trường theo hướng tính đúng, tính đủ chi phí đầu tư và tự trả, tăng nguồn thu thông qua hệ thống thuế phí, phạt vi phạm. Coi đây là giải pháp đột phá khắc phục tình trạng thiếu nguồn lực tài chính đầu tư bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu, giảm gánh nặng đầu tư từ ngân sách nhà nước. Nhà nước cần đổi, bố trí các nguồn vốn ODA, vốn tín dụng trong kế hoạch ngân sách hằng năm cho công tác xã hội hóa về môi trường, tạo điều kiện về thủ tục hành chính để các tổ chức, cá nhân tham gia vào các loại hình xã hội hóa trong công tác bảo vệ môi trường.

Đẩy mạnh hợp tác quốc tế trong bảo vệ môi trường tự nhiên. Môi trường không có biên giới. Vì vậy, sự nghiệp bảo vệ môi trường nói chung và bảo vệ môi trường tự nhiên nói riêng phải gắn liền với sự nghiệp bảo vệ môi trường trên phạm vi thế giới.

Thực tế cho thấy rằng, không chỉ ở Việt Nam, việc đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa mới ảnh hưởng đến môi trường tự nhiên, mà đây là vấn đề có tính toàn cầu. Các nước phát triển trước đây trong quá trình thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa cũng phải đối mặt với mối quan hệ giữa đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và bảo vệ môi trường tự nhiên và về cơ bản, họ đã giải quyết được. Còn ở các nước đang phát triển, trong đó có nước ta đều phải đang tìm cách giải quyết bài toán về sự phát triển, làm thế nào để vừa đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa mà vẫn bảo vệ và cải thiện được môi trường tự nhiên vì sự phát triển bền vững, quả thật không đơn giản. Để làm được điều đó cần phải hướng vào giải quyết triệt để các vấn đề sau:

Một là, thực hiện nghiêm túc và đầy đủ các điều ước và công ước quốc tế về bảo vệ môi trường. Các điều ước và công ước quốc tế mà chúng ta đã tham dự như: Công ước cấm phát triển, sản xuất và tàng trữ, sử dụng và phá hủy vũ khí hóa học; Công ước về buôn bán quốc tế về các giống loài động, thực vật hoang dã, nguy cấp (CITES) (1973); Công ước của Liên hợp quốc về sự biến đổi môi trường (1980); Cam kết quốc tế về phổ biến và sử dụng thuốc diệt côn trùng - FAO (1985); Công ước Viên về bảo vệ tầng Ozone (1985); Công ước Basel về kiểm soát việc vận chuyển qua biên giới chất thải độc hại và việc loại bỏ chúng (1989); Công ước khung của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu (1992); Công ước về đa dạng sinh học (1992). Cùng với việc nghiêm túc thực hiện đầy đủ các điều ước và công ước quốc tế, Nhà nước cần tăng cường các hoạt động hợp tác song phương, đa phương, nhằm phòng ngừa, bảo vệ, cải thiện môi trường, khai thác và sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên của đất nước.

Hai là, đẩy mạnh việc áp dụng các tiêu chuẩn quốc tế, khu vực về môi trường cho các tổ chức, cá nhân và mọi người dân để họ có thông tin, hiểu biết và thực hiện.

Việc áp dụng các tiêu chuẩn quốc tế, khu vực về môi trường ở Việt Nam hiện nay sẽ góp phần tích cực hạn chế ô nhiễm môi trường giữa các nước, khuyến khích sản xuất và trao đổi sản phẩm thân thiện với môi trường. Tuy nhiên, trong điều kiện hiện nay, việc áp dụng các quy định và tiêu chuẩn quốc tế về môi trường đang là thách thức to lớn đối với các nước kém phát triển, nơi đang thiếu nhiều điều kiện để thực hiện và áp dụng các hiệp định, công ước và tiêu chuẩn quốc tế về môi trường.

Trong các tiêu chuẩn môi trường quốc tế phải kể đến hệ thống tiêu chuẩn ISO:14000. Đây là nội dung quan trọng nhất của ISO:14000 đối với các sản phẩm. Sản phẩm đưa ra thị trường phải an toàn đối với môi trường trong suốt toàn bộ quá trình sống của mình kể cả trước và sau quá trình sản xuất. Từ khâu khai thác nguyên liệu đầu vào, quá trình sản xuất và chế biến, quá trình sử dụng và loại bỏ.

Ba là, tăng cường hợp tác với các quốc gia có chung đường biên giới. Điều này sẽ giúp các bên có thể giải quyết hiệu quả vấn đề môi trường trên cơ sở bảo đảm lợi ích của mỗi quốc gia và kiểm soát ô nhiễm xuyên biên giới.

Những lĩnh vực cần được tăng cường hợp tác với các quốc gia trong thời gian tới như: Dự án quản lý tài nguyên nước, quản lý đất đai, bảo vệ môi trường trên sông Mê Kông có liên quan đến các quốc gia Việt Nam - Lào - Campuchia - Thái Lan; quản lý tổng hợp tài nguyên thiên nhiên, các dự án về phát triển nông thôn, quy hoạch đô thị, phòng, chống thiên tai. Đặc biệt là tăng cường hợp tác và xử lý các vấn đề liên quan đến quản lý ô nhiễm ở các khu công nghiệp, thuộc lưu vực các dòng sông lớn.

Bốn là, tăng cường học hỏi kinh nghiệm các nước đi trước trong bảo vệ môi trường nói chung và bảo vệ môi trường tự nhiên nói riêng.

Thực tế kinh nghiệm bảo vệ và cải thiện môi trường nói chung và môi trường tự nhiên nói riêng ở Nhật Bản, Hàn Quốc và Thái Lan đã cho thấy, cần phải quan tâm đến vấn đề bảo vệ môi trường ngay từ đầu, ngay trong chiến lược, quy hoạch dự án đã phải tính đến các biện pháp bảo vệ môi trường. Các khu công nghiệp tập trung, các khu chế xuất, khu công nghệ cao ở các nước này đều có kết cấu hạ tầng, môi trường hoàn chỉnh bao gồm: điện, đường giao thông, hệ thống cấp thoát nước, hệ thống thu gom xử lý chất thải.

Thụy Điển, Tây Ban Nha cũng là những quốc gia đạt được những thành tựu quan trọng trong công cuộc bảo vệ môi trường, đặc biệt là việc đầu tư ngân sách để phát triển mạnh mẽ công nghệ xanh, sạch, thân thiện với môi trường. Tây Ban Nha là quốc gia có nhiều kinh nghiệm trong quản lý và sử dụng hiệu quả tài nguyên nước. Kinh nghiệm của Tây Ban Nha là sử dụng công nghệ hiện đại trong quản lý nguồn nước với 5 điểm hết sức quan trọng, như khi quy hoạch cần xem xét lợi ích của các vùng địa phương; sử dụng nước tiết kiệm; xem xét kỹ lưỡng việc tài trợ và nguồn tài trợ chính với nguyên tắc người sử dụng nước phải

trả tiền; quản lý nghiêm túc và tin cậy với các kết cấu hạ tầng nước, có luật pháp chắc chắn, đầy đủ để thực hiện các quyền về nước. Đây là những kinh nghiệm quý mà Việt Nam có thể học hỏi để vận dụng vào điều kiện, hoàn cảnh cụ thể ở nước ta trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa hiện nay.

Tóm lại, thực tiễn bảo vệ môi trường trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đã chứng minh một cách sâu sắc rằng: Để thực hiện chiến lược phát triển bền vững thì công nghiệp hóa, hiện đại hóa phải đi đôi với bảo vệ môi trường. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa và bảo vệ môi trường như hai mặt của một vấn đề, không thể có sự phát triển kinh tế bền vững mà lại không gắn với bảo vệ môi trường. Thành công của công tác bảo vệ môi trường là giải quyết hiệu quả nhất hàng loạt mâu thuẫn giữa lợi ích trước mắt và lâu dài, cục bộ và tổng thể. Công tác này đòi hỏi phải tập trung, kiên trì, giải quyết một cách hài hòa mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế, bảo đảm công bằng xã hội và bảo vệ môi trường, tiến hành đồng bộ các biện pháp một cách thường xuyên, liên tục với sự phối hợp và quyết tâm cao nhất.

Bảo vệ môi trường tự nhiên là những hành động chủ động và tích cực của con người nhằm khắc phục những sai lầm để thiết lập sự hài hòa giữa con người và tự nhiên. Sự thống nhất tự nhiên - con người - xã hội là một tất yếu khách quan. Chính con người đã phá vỡ sự thống nhất đó, nên giờ đây con người phải có trách nhiệm thiết lập lại sự cân bằng trong mối quan hệ giữa con người và tự nhiên trên cơ sở của nền khoa học - công nghệ phát triển. Mâu thuẫn giữa con người và tự nhiên nảy sinh từ hoạt động của con người, bắt đầu từ phương thức sản xuất, nên việc giải quyết mâu thuẫn cũng phải bắt đầu từ tồn tại xã hội, từ phương thức sản xuất.

Để thực hiện chiến lược phát triển bền vững thành công cần phải có sự phối hợp đồng bộ của các cấp, các ngành, của các cơ quan nhà nước, doanh nghiệp và từng người dân với những hành động cụ thể nhằm nâng cao hiệu quả bảo vệ môi trường nói chung và môi trường tự nhiên nói riêng. Chính vì vậy, những giải pháp này cần phải kết hợp một cách đồng bộ, thường xuyên trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở nước ta. Có như vậy, thì việc kết hợp công nghiệp hóa, hiện đại hóa gắn với bảo vệ môi trường tự nhiên mới thực sự có hiệu quả và bền vững.